TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 04 -2024
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 285/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc " Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm 1996.

Địa chỉ : Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Hà Văn M - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị Tào án xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Hà Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 và sau khi sinh được cháu Hà Văn Hải N thì vợ chồng anh, chị mới đi đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2021, tại Uỷ ban nhân dân, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất không có tiếng nói chung, anh M không chịu làm ăn, không chăm sóc gia đình vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đã không còn, vợ chồng chị không ai quan tâm đến ai nhưng vẫn ở chung một nhà.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn M.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu là Hà Văn Hải N, sinh ngày 02/6/2021. Hiện nay cháu đang ở cùng với vợ chồng chị, cháu ngoan và khỏe mạnh phát triển tốt. Ly hôn nguyện vọng của chị L mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải N, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay công việc của chị L làm giáo viên dạy nhảy Zumba tại thị trấn T, huyện T, thu nhập trung bình là 20.000.000đồng/tháng, nên chị xét thấy đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản và phần nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hà Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án anh M viết bản tự khai và tham gia phiên hòa giải đều trình bày: Việc đăng ký kết hôn như chị L trình bày là hoàn toàn đúng. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, một phần cũng do anh M hay uống rượu dẫn đến cãi nhau, khi tỉnh rượu anh M biết là mình sai nên cũng có xin lỗi vợ nhưng chị L vẫn không đồng ý bỏ qua. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh M không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh M khẳng định vợ chồng có 01 (một) con chung với nhau cháu là Hà Văn Hải N, sinh ngày 02/6/2021. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh M đồng ý giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản và phần nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L, đề nghị xử cho chị L ly hôn anh Hà Văn M. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Văn Hải N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Đây là vụ án " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hà Văn M cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 02/04/2024. Anh Hà Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh M trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hà Văn M đăng ký kết hôn ngày 03/8/2021 tại UBND, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 31/2021. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chưa thực sự yêu thương, chăm sóc và quan tâm đến nhau, nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, nên chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Quá trình giải quyết vụ án, anh M xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung và xây dựng kinh tế gia đình, nhưng chị L xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị tha thiết được ly hôn.

Vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh M.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung với nhau, tên cháu là Hà Văn Hải N, sinh ngày 02/6/2021. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải N. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 18/01/2024 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị L và anh M. Tại buổi xác minh UBND xã Hợp Thành cho biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị chị L và anh M, UBND xã không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Hà Văn Hải N, sinh ngày 02/6/2021, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay chị L làm đơn ly hôn anh M, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét sự thỏa thuận nuôi con chung giữa anh M và chị L là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy nhằm đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu bé và ổn định về tâm lý và sức khỏe của cháu, Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị L và anh M.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[5]. Về án phí***:** Chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Xử cho chị L được ly hôn anh Hà Văn M.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh M. Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Văn Hải N, sinh ngày 02/6/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh Hà Văn M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị L và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002713 ngày 29 tháng 11 năm 2023 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị L và anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Thanh Hóa*
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND H*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy